

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt nội dung đề cương, dự toán kinh phí lập Dự án "Quy hoạch chi tiết mặt bằng tổng thể phân khu hành chính dịch vụ I Vườn quốc gia Ba Vì"

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn.

Căn cứ Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009, số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 17/4/2008 của Bộ xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1181/QĐ/BNN-TCLN ngày 6/5/2010 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT về việc phê duyệt quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia Ba Vì giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp tại Tờ trình số 988/TTr-TCLN-BTTN ngày 21/07/2011 về việc xin phê duyệt đề cương- dự toán kinh phí lập dự án "Quy hoạch chi tiết mặt bằng tổng thể phân khu hành chính dịch vụ I Vườn quốc gia Ba Vì".

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung đề cương và tổng dự toán kinh phí lập dự án "Quy hoạch chi tiết mặt bằng tổng thể phân khu hành chính dịch vụ I Vườn quốc gia Ba Vì" gồm những nội dung cơ bản sau:

1. Tên dự án: Quy hoạch chi tiết mặt bằng tổng thể phân khu hành chính dịch vụ I Vườn quốc gia Ba Vì

2. Cơ quan chủ quản: Tổng cục Lâm nghiệp

3. Chủ đầu tư: Vườn quốc gia Ba Vì.

4. Phạm vi

Phân khu dịch vụ hành chính I Vườn quốc gia Ba Vì theo đúng nội dung của "Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia Ba Vì giai đoạn

2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020" đã được Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt tại Quyết định số 1181/QĐ-BNN-TCLN ngày 06/05/2010 cụ thể như sau:

- Khu A: diện tích 60 ha, khu vực thuộc độ cao 400 m;
- Khu B: diện tích 55 ha, khu vực thuộc độ cao 600m - 700 m;
- Khu C: diện tích 3.5 ha, khu vực thuộc độ cao 800 m;
- Khu D: diện tích 1 ha thuộc, khu vực độ cao 1.000m - 1.100 m;
- Khu E: diện tích 1 ha, khu vực thuộc độ cao 350 m;

5. Mục tiêu và nhiệm vụ quy hoạch

5.1. Mục tiêu

Đề xuất các giải pháp quy hoạch, định hướng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật nhằm khai thác tối đa các lợi thế của Vườn quốc gia; Tạo hạ tầng cơ sở thực hiện các chức năng của Vườn đồng thời phát triển du lịch sinh thái hài hòa với cảnh quan, môi trường, văn hóa bản địa nhằm hình thành một cụm hành chính dịch vụ hoàn chỉnh cho Vườn quốc gia.

5.2. Nhiệm vụ

- Khảo sát địa hình, xác định phạm vi, ranh giới, diện tích quy hoạch, hiện trạng sử dụng đất, kết nối hạ tầng kỹ thuật của khu vực quy hoạch trên cơ sở kế thừa cơ sở hạ tầng, công trình kiến trúc hiện có hợp lý, phù hợp với khu vực lân cận.

- Xác định các chỉ tiêu quy hoạch, kinh tế kỹ thuật chủ yếu về sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, các yêu cầu về không gian, cảnh quan, kiến trúc và các yêu cầu khác phù hợp với chức năng của Vườn trong khu vực quy hoạch.

- Nghiên cứu xây dựng định hướng thị trường và định hướng phát triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch. Đáp ứng nhu cầu quản lý, bảo vệ, phát triển rừng kết hợp với các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, hội nghị, du lịch tâm linh.

- Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, khớp nối, đồng bộ với hệ thống chung.

- Nghiên cứu xây dựng định hướng tổ chức không gian khu vực quy hoạch.

- Đánh giá tác động môi trường và đề xuất giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường.

6. Lập đồ án quy hoạch tỷ lệ 1/2000 (kèm theo đề cương)

6.1. Xác định tính chất của từng địa điểm khu A (cót 400m); khu B (cót 600- 700m); khu C (cót 800 m); khu D (cót 1.000 - 1.100m); khu E (cót 350m - đền Trung)

6.2. Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội, dân số, lao động, sử dụng đất đai, hiện trạng về xây dựng, cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường của từng địa điểm, khu vực. Nghiên cứu quy hoạch chung 1/500 của người Pháp lập 1939 kết hợp với hiện trạng trong khu vực để định hướng phát triển bền vững và bảo vệ thiên nhiên.

6.3. Xác định tiềm năng, lợi thế và khả năng phát triển của từng địa điểm.

6.4. Nguyên tắc quy hoạch:

- Ưu tiên quy hoạch các công trình lâm sinh.
- Công trình được xây dựng chủ yếu xen dưới tán rừng, tận dụng tối đa các vị trí có các nền móng cũ.
- Giữa các công trình xây dựng trồng bổ sung các loài cây theo quy hoạch lâm sinh tại địa điểm đó.

6.5. Quy hoạch các khu chức năng và các công trình kiến trúc

a) Khu A (cốt 400m) bao gồm các khu chức năng: Khu trồng rừng cảnh quan kết hợp du lịch sinh thái, Vườn cây sưa tập kết hợp du lịch sinh thái, Công trình phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, nghiên cứu và giáo dục môi trường và Khu dịch vụ.

Quy hoạch xây dựng các công trình kiến trúc: mật độ xây dựng không quá 3,4% và các công trình hạ tầng: Đường giao thông; đường dạo; cấp điện; cấp thoát nước mật độ xây dựng tối đa 8,3%.

b) Khu B (cốt 600- 700m) bao gồm các khu chức năng: Khu bảo tàng, Nhà hội thảo, Công viên hoa, Vườn sưa tập, Nhà nghỉ dưỡng và hậu cần.

Quy hoạch xây dựng các công trình kiến trúc: mật độ xây dựng không quá 3,8% và các công trình hạ tầng: Đường giao thông; đường dạo; cấp điện; cấp thoát nước mật độ xây dựng tối đa 8,2%.

c) Khu C (cốt 800m) bao gồm các khu chức năng: Bảo tàng thực vật.

Quy hoạch xây dựng các công trình kiến trúc: mật độ xây dựng không quá 5% và các công trình hạ tầng: mật độ xây dựng tối đa 8,2% .

d) Khu D (cốt 1000-1100m) bao gồm các khu chức năng: Khu dịch vụ và Khu tưởng niệm.

Quy hoạch xây dựng các công trình kiến trúc: mật độ xây dựng không quá 9,5% và công trình hạ tầng: Bãi đỗ xe; trạm cấp điện; hệ thống cấp thoát nước mật độ xây dựng tối đa 10%.

d) Khu E (cốt 350m) bao gồm các khu chức năng: Khu quản lý và dịch vụ chùa Tản Viên.

Quy hoạch xây dựng các công trình kiến trúc: mật độ xây dựng tối đa 18% và các công trình hạ tầng: mật độ xây dựng không quá 2%.

7. Dự toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện

6.1. Dự toán kinh phí:

(Theo định mức thiết kế quy hoạch ban hành kèm theo Quyết định số: 15/2008/QĐ-BXD ngày 17/11/2008 và Thông tư số 17/2010/TT-BXD ngày 30/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức chi phí quy hoạch xây dựng).

- a) Tổng kinh phí: 2.486.323.000 đồng trong đó:
- Chi phí quy hoạch: 1.858.323.000 đồng bao gồm:
- + Chi phí lập đề cương: 85.854.000 đồng.
- + Chi phí lập quy hoạch: 1.772.469.000 đồng (bao gồm chi phí quy hoạch giao thông, hệ thống điện và cấp nước) cụ thể như sau:

* Khu A - 60,0 ha: 814.200.000 đồng.

* Khu B - 55,0 ha: 800.748.000 đồng.

* Khu C - 3,5 ha: 154.875.000 đồng.

* Khu D - 1,0 ha: 44.250.000 đồng.

* Khu E - 1,0 ha: 44.250.000 đồng.

- Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: 628.000.000 đồng.

6.2. Nguồn vốn:

- Vốn của các đơn vị liên kết đóng góp: 2.046.323.000 đồng.
- Vốn ngân sách cấp và từ hoạt động dịch vụ du lịch: 440.000.000 đồng.

8. Tổ chức thực hiện: Được phân thành 2 gói thầu tư vấn như sau:

- Tư vấn lập quy hoạch chi tiết.
- Tư vấn lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

9. Thành quả giao nộp: Thuyết minh quy hoạch kèm theo đĩa CD và các loại bản đồ (8 bộ).

10. Thời gian thực hiện: Trình phê duyệt trước 30/12/2011.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Giao Tổng Cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp hướng dẫn, chỉ đạo Vườn quốc gia Ba Vì tổ chức lựa chọn tư vấn thực hiện dự án theo đúng mục tiêu, nội dung và hoàn thiện các thủ tục đảm bảo tuân thủ đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Các đơn vị: Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính, Cục Quản lý Xây dựng công trình, Tổng cục Lâm nghiệp và các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp thẩm định, kiểm tra, giám sát theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các ông Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Tổng Cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Kho Bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản);
- Lưu VT, TCLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hứa Đức Nhị